

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 31/01/ 2018
V/v tranh chấp dân sự về hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo - Phó Trưởng phòng Nội vụ thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng - Chủ tịch Hội nông dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2017/TLST- DS ngày 31/10/2017 về “tranh chấp dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Quốc T, sinh năm 1975; địa chỉ: số 828, tổ 3, ấp Cây Châm, xã VT, thành phố CĐ, tỉnh AG.

2. Đồng bị đơn: Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1985 và anh Lê Minh Q, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 09, ấp Vĩnh Khánh 1, xã VT, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Chị T có mặt tại phiên tòa; anh Q và chị D vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đinh Thị Quốc T trình bày: Chị T tham gia nhiều dây hụi do chị Trần Thị Thùy D làm chủ, hưởng huê hồng, cùng Lê Minh Q (chồng D) đi gom hụi. T vô các dây hụi:

+ Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khởi sự ngày 29/01/2015 (ngày 10/12

âl/2014), gồm 20 phần, chị T tham gia 01 phần, hụi khui được 16 lần (bình quân hụi khui bỏ khoảng 900.000đồng/lần), chị T châu được 16 lần với số tiền vốn gốc 33.600.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng, ngưng khui hụi ngày 29/4/2016;

+ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khởi sự ngày 23/8/2015 (ngày 10/7 âl/2015), gồm 22 phần, chị T tham gia 01 phần, hụi khui được 09 lần (bình quân hụi khui bỏ khoảng 500.000đồng/lần), chị T châu được 09 lần số tiền vốn gốc 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng, ngưng khui hụi ngày 23/4/2016;

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/15 ngày, khởi sự ngày 20/6/2015 (ngày 05/5 âl/2015), gồm 24 phần, chị T tham gia 01 phần, hụi khui được 23 lần (bình quân hụi khui bỏ khoảng 180.000đồng/lần), chị T châu được 23 lần số tiền vốn gốc 18.860.000 (mười tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, ngưng khui hụi ngày 11/5/2016;

+ Dây hụi 500.000 đồng/10 ngày, khởi sự ngày 19/01/2016 (ngày 10/12 âl/2015), gồm 30 phần, chị T tham gia 02 phần, hụi khui được 13 lần (bình quân hụi khui bỏ khoảng 70.000đồng/lần), chị T châu được 13 lần x 02 phần số tiền vốn gốc 11.180.000 (mười một triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng, ngưng khui hụi ngày 16/5/2016.

Ngày 16/7/2016, giữa chị T và chị D có thỏa thuận, chị T đồng ý cho D khấu trừ nợ của ông Dương Hoàng H, sinh năm 1982, địa chỉ tổ 10, ấp Cây Châm, xã VT, thành phố CD là 50.000.000 đồng; trừ nợ của chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988, địa chỉ tổ 04, ấp Bài Bài, xã VT, thành phố CD là 6.000.000 đồng.

Chị D và anh Q còn nợ chị T vốn gốc hụi: 77.140.000 đồng – 56.000.000 = 21.140.000 (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Chị T yêu cầu chị D và anh Q cùng có trách nhiệm T toán dứt điểm một lần vốn và tính lãi suất từ ngày 16/5/2016 theo quy định của pháp luật cho đến khi thi hành án xong.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thùy D khai: Thống nhất như lời khai của chị T, chị D làm chủ hụi hưởng huê hồng, Chị T là hụi viên vô 04 dây hụi và đã châu tổng cộng vốn gốc 77.140.000 đồng. Chị D xác định, giữa chị D và chị T thỏa thuận, đồng ý cho D khấu trừ nợ của ông Dương Hoàng H 50.000.000 đồng và nợ của chị Nguyễn Thị Kim T 6.000.000 đồng, tổng cộng 56.000.000 đồng. Chị D xác định còn nợ chị T tiền vốn hụi 21.140.000 đồng. Ngoài ra, chị D còn khai, chị D và anh Q là vợ chồng, số tiền chị D có được từ việc làm chủ hụi dùng để trang trải sinh hoạt trong gia đình, anh Q không tham gia làm chủ hụi nhưng biết việc chị D làm chủ hụi để có tiền chi phí sinh hoạt gia đình. Trong thời gian chị D sinh con, anh Q là người trực tiếp thu tiền hụi của chị T và các hụi viên khác. Chị D đồng ý cùng anh Q có trách nhiệm T toán số tiền 21.140.000 đồng cho chị T và tính lãi suất từ ngày

16/5/2016 theo quy định của pháp luật cho đến khi thi hành án xong. Nhưng xin được trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Anh Lê Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp bản tự khai và không lấy được lời khai.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa chị T và chị D, thống nhất vốn gốc hui 21.140.000 đồng, không thống về phương thức T toán. Riêng anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q vắng mặt nên chị T, chị D yêu cầu hòa giải vắng mặt anh Q.

Tại phiên tòa, chị D và anh Q vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị T giữ nguyên yêu cầu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào nội dung hồ sơ nhận thấy chị D và anh Q còn nợ tiền gốc hui chị T 21.140.000 đồng, chị T yêu cầu D và Q cùng có trách nhiệm T toán dứt điểm một lần và tính lãi suất từ ngày 16/5/2016 theo quy định pháp luật cho đến khi thi hành án xong. Chị D đồng ý tính lãi suất theo chị T yêu cầu và đồng ý cùng anh Q có trách nhiệm trả nợ cho chị T. Do hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, chị T không đồng ý. Căn cứ các Điều 476, 479 Bộ luật tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Đinh Thị Quốc T khởi kiện tranh chấp dân sự về hui với anh Lê Minh Q và chị Trần Thị Thùy D; địa chỉ: tổ 09, ấp Vĩnh Khánh 1, xã VT, thành phố CD, tỉnh AG. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Chị D làm chủ hui, chị T là hui viên vô 04 dây hui, trong đó dây hui 3.000.000 đồng/tháng (gồm 20 phần khởi sự ngày 29/01/2015 (ngày 10/12 âm/2014); dây hui 2.000.000 đồng/tháng, khởi sự ngày

23/8/2015 (ngày 10/7 âm/2015), gồm 22 phần; dây hụi 1.000.000 đồng/15 ngày, khởi sự ngày 20/6/2015 (ngày 05/5 âm/2015), gồm 24 phần; dây hụi 500.000 đồng/10 ngày, khởi sự ngày 19/01/2016 (ngày 10/12 âm/2015), gồm 30 phần. Ngày 16/5/2016 thì hụi bề, ngày 16/7/2016 T và D có thỏa thuận không thống nhất. Ngày 16/12/2017, Chị T khởi kiện tranh chấp dân sự về hụi nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015).

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Minh Q và chị Trần Thị Thùy D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Vốn gốc hụi:

Chị Đinh Thị Quốc T và chị Trần Thị Thùy D có lời khai thống nhất, T có tham gia 04 dây hụi do chị D làm chủ hưởng huê hồng, gồm: Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khởi sự ngày 29/01/2015, gồm 20 phần, chị T tham gia 01 phần, châu vốn gốc 33.600.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khởi sự ngày 23/8/2015, gồm 22 phần, chị T tham gia 01 phần, châu vốn gốc 13.500.000 đồng; dây hụi 1.000.000 đồng/15 ngày, khởi sự ngày 20/6/2015, gồm 24 phần, chị T tham gia 01 phần, châu vốn gốc 18.860.000 đồng; dây hụi 500.000 đồng/10 ngày, khởi sự ngày 19/01/2016, gồm 30 phần, chị T tham gia 02 phần, châu vốn gốc 11.180.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc hụi chị T đã châu cho chị D là 77.140.000 đồng.

Ngày 16/7/2016, chị T và chị D có thỏa thuận thống nhất, khấu trừ nợ của ông Dương Hoàng H 50.000.000 đồng, trừ nợ của chị Nguyễn Thị Kim T 6.000.000 đồng. D xác nhận cùng anh Q còn nợ chị T vốn gốc hụi 21.140.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q vắng mặt không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Theo biên bản lời khai ngày 19/10/2017 và ngày 23/11/2017, chị D khai anh Q không tham gia làm chủ hụi cùng chị D, nhưng Q biết và có đi thu tiền hụi của chị T và các hụi viên khác. Thu nhập của chị D có được từ việc tham gia làm chủ hụi dùng để trang trải sinh hoạt trong gia đình.

Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Chị T yêu cầu chị D và anh Q cùng có trách nhiệm trả vốn gốc hụi 21.140.000 (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng là hoàn toàn có căn cứ. Xét, chấp nhận.

[2] Tiền lãi:

Chị T yêu cầu anh Q, chị D T toán tiền lãi đối với số tiền 21.140.000 đồng với mức lãi suất theo quy định pháp luật, tính từ ngày 16/5/2016 đến khi thi hành án xong, chị D đồng ý.

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Chiết tính lãi suất: Từ ngày 16/5/2016 đến ngày 31/01/2018 (20 tháng 15 ngày),

$21.140.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1,125\%/\text{tháng} = 4.757.000 \text{ đồng}.$

[4] Chị D là chủ hội đã nhận đủ tiền hội do chị T châu, nhưng vi phạm nghĩa vụ của chủ hội thì phải có trách nhiệm hoàn trả vốn gốc hội và lãi suất cho chị T theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc chị Trần Thị Thùy D và anh Lê Minh Q liên đới có trách nhiệm trả cho chị Đinh Thị Quốc T:

- Tiền lãi: 4.757.000 (bốn triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, tính từ ngày 16/5/2016 đến ngày 31/01/2018.

- Vốn gốc hội: 21.140.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đồng bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền hội gốc chưa T toán theo quy định khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005”.

Chị D đồng ý cùng anh Q trả nợ gốc và lãi suất theo yêu cầu của chị T, nhưng xin trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí, chị D và anh Q phải chịu 1.295.000 đồng (của số tiền 25.897.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 10, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Điều 476, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Quốc T;

Buộc Chị Trần Thị Thùy D và anh Lê Minh Q liên đới có trách nhiệm trả cho chị Đinh Thị Quốc T:

- Tiền lãi: 4.757.000 (bốn triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, (tính từ ngày 16/5/2016 đến ngày 31/01/2018).

- Vốn gốc hui: 21.140.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Đồng bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền hui gốc chưa T toán theo quy định khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005”.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Minh Q và chị Trần Thị Thùy D phải chịu 1.295.000 đồng (một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đinh Thị Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị T 2.225.000 (hai triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014829 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị D và anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

